

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/DS-ST

Ngày: 31/5/2022

V/v tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Lan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Huỳnh Thị Hồng Nho;

2. Ông Nguyễn Thành Lìl

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Hữu Lợi, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thuỳ Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 01/2022/TLST - DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc “tranh chấp hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phan Nguyễn Phương T, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Số 33 Lê Duẩn, khóm Long TA, phường Long T, thị xã Tân C, tỉnh An Giang.

Bị đơn:

- Bà Trần Thị Huyền T1 (P), sinh năm 1966.

- Ông Nguyễn Thành D, sinh năm 1968;

Cùng cư trú: Số 74, khóm Long AB, phường Long P, thị xã Tân C, tỉnh An Giang.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 15/12/2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn, chị Phan Nguyễn Phương T

trình bày:

Chị T có vào các chân hội do bà T1 làm chủ như sau:

Dây hội thứ nhất: Hội 3.000.000 đồng/tháng, hội có 16 phần, ngày khai hội là 06/01/2021a1, ngày mãn hội là ngày 06/04/2022a1, huê hồng là 700.000 đồng. Dây hội này chị tham gia 02 phần. Đến ngày 06/09/2021a1 là hội khai được 08 lần (do tháng 09/2021a1 dịch Covid nên không khai). Như vậy dây hội này chị T châu được: $3.000.000 \times 02 \text{ phần} \times 08 \text{ lần} = 48.000.000 \text{ đồng}$.

Dây hội thứ 2 : Hội 2.000.000 đồng /tháng, hội có 18 phần, ngày khai hội là 16/05/2020a1, ngày mãn là ngày 16/10/2021a1, huê hồng là 500.000 đồng. Dây hội này chị tham gia 02 phần. Đến ngày 16/9/2021a1 có giao 01 phần hội chót(kèm giấy giao hội). Còn 01 phần chót vào ngày 16/10/2021a1 thì bà T1 còn nợ chị là 32.000.000 đồng.

Dây hội thứ 3 : Hội 3.000.000 đồng/tháng, hội có 17 phần, ngày khai hội là 19/10/2020a1, ngày mãn là ngày 19/02/2022a1, huê hồng là 700.000 đồng. Dây hội này chị tham gia 03 phần. Đến ngày 19/09/2021a1 là hội khai được 12 lần. Như vậy dây hội này bà T1 còn nợ chị là : $3.000.000 \times 03 \text{ phần} \times 12 \text{ lần} = 108.000.000 \text{ đồng}$.

Dây hội thứ 4 : Hội 3.000.000 đồng/tháng, hội này có 17 phần, ngày khai hội là 08/11/2020a1, huê hồng là 700.000 đồng. Dây hội này chị tham gia 02 phần. Đến ngày 08/9/2021a1 là hội khai được 10 lần (Do tháng 9 /2021a1 không khai vì covid). Như vậy dây hội này bà T1 nợ chị là : $3.000.000 \times 02 \text{ phần} \times 10 \text{ lần} = 60.000.000 \text{ đồng}$.

Dây hội thứ 5 : Hội 3.000.000 đồng/tháng, hội này có 18 phần, ngày khai hội là 20/11/2020a1, huê hồng là 700.000 đồng. Dây hội này chị tham gia 01 phần. Đến ngày 20/9/2021a1 là hội khai được 11 lần. Như vậy dây hội này bà T1 nợ chị là : $3.000.000 \times 01 \text{ phần} \times 11 \text{ lần} = 33.000.000 \text{ đồng}$.

Tổng số tiền bà T1 nợ là 281.000.000 đồng. Đến ngày 08/11/2021 ông D (chồng bà T1) đến gặp chị và thỏa thuận ông D giao chiếc SH Mode do anh D đứng tên, biển số 67H1-676.08 trị giá 45.000.000 đồng để trừ vào phần tiền hội mà bà T1 đã nợ, nên số tiền còn lại là 236.000.000 đồng.

Việc chị chơi hội với bà T1 là do ông D nói vợ ông có kêu hội chị có chơi thì chơi với vợ ông. Sau khi chơi hội thì ông D là người trực tiếp đi góp tiền hội của chị nhiều lần. Nay chị yêu cầu bà Trần Thị Huyền T1 (P) và ông Nguyễn Thành D phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền hội còn nợ là 236.000.000 đồng. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Trần Thị Huyền T1 trình bày: Bà thống nhất theo lời trình bày của phía nguyên đơn về các dây hội và số tiền còn nợ hội như chị T trình bày. Bà Trần Thị Huyền T1 (P) thống nhất số tiền hội còn nợ chị T là 236.000.000 đồng, nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà T1 không có khả năng trả cho chị P một lần, bà xin trả mỗi tháng là 2.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Ông Nguyễn Thành D trình bày: Ông có biết việc chị T chơi hội với vợ ông là bà T1, vợ ông là chủ hội, chị T là hội viên, nhưng chị T vào bao nhiêu

chân hụi thì ông không biết và ông cũng không biết số tiền vợ ông còn nợ chị T là bao nhiêu. Ông thừa nhận ông có đi lấy tiền hụi của chị Thảo nhiều lần thay cho vợ của ông và khi vợ ông bể hụi thì ông có đưa cho chị T 01 chiếc xe honda hiệu SH Mode do anh đứng tên, biển số 67H1-676.08 trị giá 45.000.000 đồng để trừ vào phần tiền hụi mà vợ ông đã nợ chị T. Nay ông đồng ý cùng với bà T1 trả cho chị T số tiền nợ hụi còn lại là 236.000.000 đồng. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn ông không có khả năng trả cho chị P một lần, ông và bà T1 xin trả mỗi tháng là 2.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

Tại biên bản hòa giải, chị Phan Nguyễn Phương T không đồng ý cách trả của bà T1 và không đồng ý với yêu cầu của ông D. Chị yêu cầu bà Trần Thị Huyền T1 (P) và ông Nguyễn Thành D phải có trách nhiệm trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 236.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện

Ý kiến của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại Điều 48, Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về xét xử sơ thẩm vụ án.

Những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bà Trần Thị Huyền T1 (P) và ông Nguyễn Thành D phải có trách nhiệm trả cho chị Phan Nguyễn Phương T số tiền 236.000.000 đồng và buộc bà T1 và ông D phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Thẩm quyền: Chị Phan Nguyễn Phương T khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hụi với bà Trần Thị Huyền T1 (P) và ông Nguyễn Thành D, cùng địa chỉ: Khóm Long An B, phường Long P, thị xã Tân C, tỉnh An Giang. Xét, quan hệ tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí và Tòa án thụ lý giải quyết.

[2] Về nội dung:

Về số nợ: Nguyên đơn, bị đơn đều thống nhất số tiền hui còn nợ nguyên đơn là 236.000.000 đồng. Về thời gian và phương thức trả các bên không thỏa thuận được với nhau. Chị T yêu cầu bà T1 và ông D có trách nhiệm trả cho chị T một lần số tiền nợ là 236.000.000 đồng. Tuy nhiên, bà T1 và ông D cho rằng hoàn cảnh kinh tế của bà hiện nay đang gặp khó khăn, ông bà xin trả mỗi tháng 2.500.000 đồng cho đến khi dứt nợ. Chị T không đồng ý. Hội đồng xét xử xét, yêu cầu trả dần của bà T1, ông D là gây thiệt thòi quyền và lợi ích hợp pháp của chị T. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhưng các đương sự vẫn không thỏa thuận được với nhau về cách trả nên HĐXX xét, không chấp nhận yêu cầu trả dần của bà T1 và ông D. Buộc bà Trần Thị Huyền T1 (P) và ông Nguyễn Thành D phải có trách nhiệm trả cho chị Phan Nguyễn Phương T số tiền hui còn nợ là 236.000.000 đồng, theo quy định tại Điều 471 và Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà T1, ông D xin trả 2.500.000 đồng/tháng, không được phía nguyên đơn chấp nhận vì không đảm bảo quyền lợi hợp pháp của nguyên đơn, xét không chấp nhận. Tuy nhiên, cách trả sẽ được xem xét ở giai đoạn thi hành án.

[3] Về án phí: Bà T1 và ông D phải chịu 11.800.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị T được chấp nhận yêu cầu khởi kiện nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả tạm ứng án phí cho chị T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 273, Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 471, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Nguyễn Phương T;

Buộc bà Trần Thị Huyền T1 (P) và ông Nguyễn Thành D phải có trách nhiệm trả cho chị Phan Nguyễn Phương T số tiền 236.000.000 đồng (*Hai trăm ba mươi sáu triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trần Thị Huyền T1 (P) và ông Nguyễn Thành D phải chịu 11.800.000 đồng (*Mười một triệu tám trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Phan Nguyễn Phương T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho chị Phan Nguyễn Phương T 5.900.000 đồng (*Năm triệu chín trăm ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai số 0005975 ngày 05 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T, bà T1 (P) và ông D có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND TX.Tân Châu;
- Chi cục THADS TX. Tân Châu;
- UBND xã, phường;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, V.phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Lan